


CÔNG TY CỔ PHẦN TM - XNK THIÊN NAM




**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

Tháng 03/2009


	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 1/24

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1 : Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2 : Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt.....	3
CHƯƠNG II – CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
<i>PHẦN I : CỔ ĐÔNG</i>	4
Điều 3 : Quyền của cổ đông	4
Điều 4 : Điều lệ công ty	4
Điều 5 : Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn.....	5
<i>PHẦN I: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</i> ..	5
Điều 6 : Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 7 : Cách thức tham dự, đăng ký Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 8 : Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu biểu quyết, thông báo kết quả bỏ phiếu ..	6
Điều 9 : Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 10: Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng	7
Điều 11: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	7
Điều 12: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 13: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông.....	8
CHƯƠNG III : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
<i>PHẦN I : QUY ĐỊNH CHUNG</i>	8
Điều 14: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 15: Tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 16: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 17: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 18: Thành phần Hội đồng quản trị.....	9
Điều 19: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	10
Điều 20: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 21: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
<i>PHẦN II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</i>	10
Điều 22: Thông báo họp Hội đồng quản trị	10
Điều 23: Điều kiện hiệu lực của cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 24: Cách thức biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 25: Ghi biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 26: Thông qua nghị quyết tại cuộc họp HĐQT, thông báo Nghị quyết HĐQT	12
CHƯƠNG IV : TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO	12
Điều 27: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng	12
Điều 28: Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao	13
Điều 29: Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý cấp cao	13
Điều 30: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao	13
CHƯƠNG V : QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 31: Quy định chung	13
Điều 32: Hội đồng quản trị.....	14
Điều 33: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	15
Điều 34: Thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 35: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	15

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 2/24

Điều 36: Thư ký Hội đồng quản trị	16
Điều 37: Thù lao của Hội đồng quản trị.....	16
CHƯƠNG VI: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	16
Điều 38: Quy định chung	16
Điều 39: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	17
Điều 40: Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	17
CHƯƠNG VII: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG G CỦA BAN KIỂM SOÁT	17
Điều 41: Quy định chung	17
Điều 42: Thành phần Ban kiểm soát	17
Điều 43: Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát	18
Điều 44: Hoạt động của Ban kiểm soát.....	18
Điều 45: Quan hệ công tác của Ban kiểm soát.....	19
Điều 46: Thù lao của Ban kiểm soát	20
CHƯƠNG VIII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	20
Điều 47: Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.....	20
Điều 48: Quy trình khen thưởng	20
Điều 49: Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	20
CHƯƠNG IX : NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY	21
Điều 50: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	21
Điều 51: Giao dịch với người có liên quan	21
Điều 52: Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty ...	22
CHƯƠNG X : ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
Điều 53: Đào tạo về quản trị công ty	22
CHƯƠNG XI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH	22
Điều 54: Công bố thông tin thường xuyên.....	22
Điều 55: Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty.....	22
Điều 56: Công bố thông tin về các cổ đông lớn.....	23
Điều 57: Tổ chức công bố thông tin.....	23
CHƯƠNG XII: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	24
Điều 58: Báo cáo.....	24
Điều 59: Giám sát.....	24
Điều 60: Xử lý vi phạm.....	24
CHƯƠNG XIII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
Điều 61: Sửa đổi Quy chế quản trị công ty	24
CHƯƠNG XIV: NGÀY HIỆU LỰC	24
Điều 62: Ngày hiệu lực	24

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 3/24

CHƯƠNG I : QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được xây dựng theo Quyết định số 12/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính Về việc ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt.

1. “Công ty niêm yết” là Công ty Cổ phần Thương mại – Xuất nhập khẩu Thiên Nam, có trụ sở tại số 432 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam.

2. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông Công ty

3. “HĐQT”: Hội đồng quản trị Công ty

4. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

a. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;

b. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;

c. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;

d. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;

e. Minh bạch trong hoạt động của công ty;

f. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

5. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán, gồm các trường hợp sau đây:


a. Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

c. Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

d. Công ty mẹ, công ty con;

e. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 4/24

6. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của công ty.

CHƯƠNG II : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

PHẦN 1 - CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty.

c. Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông có yêu cầu.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

3. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:


a. Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ công ty quy định;

b. Cổ đông được đối xử công bằng.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua quy chế này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần này được quy định tại Điều 11 của Điều lệ công ty.

Điều 4. Điều lệ công ty

Công ty xây dựng Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính quy định.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 5/24

Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Hội đồng quản trị của công ty xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.


PHẦN II – TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.
2. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính.
3. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.
4. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
5. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự đại hội theo các cách thức sau:
 - a. Cổ đông đăng ký tham dự đại hội trực tiếp qua điện thoại gặp Thư ký Hội đồng quản trị Công ty và fax hoặc gửi giấy xác nhận dự họp bằng đường bưu điện cho Công ty trước ngày dự họp 01 ngày.
 - b. Nếu cổ đông không thể tham dự đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự; việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty.
 - c. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải đem theo giấy ủy quyền khi dự họp.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 6/24

2. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Công ty niêm yết phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

3. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu biểu quyết, thông báo kết quả bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- + Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- + Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- + Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;


3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 9. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký đoàn chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến đại hội, sau đó lập biên bản Đại hội đồng cổ đông và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- + Thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 7/24

- + Chương trình và nội dung cuộc họp;
- + Chủ tọa và thư ký;
- + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp; kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Các nghị quyết đã được thông qua;
- + Họ và tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, toàn văn nghị quyết thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo giấy mời phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 10. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng

1. Công ty công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 24 giờ trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

2. Việc công bố thông tin được gửi cho Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh bằng thư điện tử và gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện đồng thời phải công bố thông tin trên trang website của công ty. Việc công bố thông tin phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải do Tổng Giám đốc công ty hoặc nhân viên công bố thông tin được ủy quyền thực hiện. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do nhân viên công bố thông tin được ủy quyền công bố. Thông tin đã công bố phải được bảo quản, lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.


Điều 11. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Công ty quy định trong Điều lệ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- + Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
- + Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị;
- + Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 8/24

Điều 13. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- + Hoạt động của Ban kiểm soát;
- + Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát;
- + Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

CHƯƠNG III : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN I : QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 14. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.


4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 15. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị được quy định theo điều 24 trong Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 9/24

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 16. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.

2. Ứng viên trúng cử Hội đồng quản trị phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và người được cổ đông ủy quyền dự họp tại Đại hội.

3. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên quy định đối với Hội đồng quản trị.

4. Nếu bầu lần thứ nhất mà không đủ số thành viên Hội đồng quản trị có tỷ lệ bầu ít hơn 65% thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu lần thứ 2 trong số những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Trường hợp phải lựa chọn 01 trong 02 ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tịch đoàn quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

6. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 17. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.


2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần (hoặc quyền mua cổ phần) của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó khoảng một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty là năm (05) người.

2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 10/24

Điều 19. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên đó không đi tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty sau 30 ngày;
- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.


Điều 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán. Sau khi có kết quả bầu cử, trong vòng 05 ngày, công ty phải thông báo trên ít nhất 01 tờ báo kinh tế chính thức.

PHẦN II - TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp 01 lần.
- Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trước 05 ngày trước ngày họp dự kiến. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung họp. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được từng thành viên Hội đồng quản trị.
- Các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp thì có thể từ chối thông báo mời họp hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 11/24

Điều 23. Điều kiện hiệu lực của cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện được ủy quyền.

2. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 24. Cách thức biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị

Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị là biểu quyết theo nguyên tắc đối nhân. Hội đồng quản trị thông qua các nội dung cuộc họp và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của 2/3 thành viên Hội đồng quản trị có mặt và thành viên vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho người đại diện tham dự. Trường hợp biểu quyết tán thành và phản đối ngang nhau, biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định cuối cùng, thành viên có ý kiến phản đối có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Điều 25. Ghi biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị


1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Chương trình và nội dung họp;
- d. Họ và tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết các nội dung cuộc họp;
- h. Các quyết định đã được thông qua;
- i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp;

2. Chủ tọa và thư ký phải ký tên vào biên bản họp và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Chủ tịch hoặc Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc được tiến hành trong các cuộc họp đó.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 12/24

Điều 26. Thông qua nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị, thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Cách thức thông qua Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị: Kết thúc cuộc họp Hội đồng quản trị, thư ký Hội đồng quản trị lập biên bản có chữ ký của các thành viên tham dự. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị (nếu có) trong cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký vào nghị quyết.

2. Công ty thực hiện việc thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC.

CHƯƠNG IV : TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO

Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc theo Điều 57 – Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty quy định như sau:


- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
- b. Có kinh nghiệm thực tế quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty, tốt nghiệp Đại học ngành Kinh tế;
- c. Trung thực, cẩn cán và có uy tín;
- d. Không đồng thời làm chức danh quản lý ở công ty khác;

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
- b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực phân công;
- c. Có trình độ tối thiểu: Tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế;
- d. Do Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu cho Hội đồng quản trị;

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm làm Kế toán trưởng công ty:

- a. Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại điều 51 Luật kế toán;
- b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty;
- c. Về trình độ:
 - + Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;
 - + Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất 5 năm;
 - + Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định tại Quy chế về tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng, ban hành theo Quy định số 43/2004/QĐ-BTC ngày 26/4/2004 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 13/24

Điều 28. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao

1. Hội đồng quản trị công ty là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

a. Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị đề xuất, nhận xét, đánh giá đối với cá nhân cán bộ được đề xuất.

b. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng: Hội đồng quản trị tìm chọn hoặc Tổng giám đốc đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.

2. Sau khi tập hợp danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Nếu ứng viên đạt tối thiểu 2/3 ý kiến biểu quyết nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị ra nghị quyết bổ nhiệm vào vị trí đã biểu quyết.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý cấp cao

1. Cán bộ quản lý cấp cao xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì cán bộ quản lý cấp cao đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao trong các trường hợp sau:

- + Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- + Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- + Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.


Điều 30. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao

Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao; Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật chứng khoán.

CHƯƠNG V : QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Quy định chung

1. Quy chế này quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty để điều hành công việc một cách có trách nhiệm, rõ ràng, cụ thể nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 14/24

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải tự chịu trách nhiệm về phần việc được phân công trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Mọi quan hệ giữa Ban kiểm soát và các thành phần khác
- + Với bộ máy điều hành công ty là kiểm tra và giám sát
 - + Với Hội đồng quản trị là phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác.
 - + Với Đại hội cổ đông là trách nhiệm, báo cáo.
4. Mọi quan hệ giữa bộ máy điều hành và các thành phần khác
- + Với Hội đồng quản trị có tính hệ thống và chấp hành
 - + Với Ban kiểm soát là tư vấn, tiếp thu và phối hợp kiểm tra, thực hiện
 - + Với Đại hội đồng cổ đông có tính giải trình và báo cáo.

Điều 32. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị. Các nghị quyết, quyết định và quy chế của Hội đồng quản trị đã được ban hành có tính chất thi hành bắt buộc với Tổng Giám đốc Công ty.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 - Điều lệ của Công ty.


4. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị khác đảm nhận các lĩnh vực công việc do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và báo cáo với Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời kiêm nhiệm các chức danh điều hành sản xuất kinh doanh khác.

5. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ hàng quý 01 lần và có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề khẩn cấp của công ty khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc trên 50% thành viên Hội đồng quản trị đề nghị.

6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển và phải có sự hiện diện của ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên mới họp lệ và phải được ghi biên bản đầy đủ vào sổ biên bản để lưu giữ tại công ty.

7. Tùy theo nội dung cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị căn cứ vào Điều lệ Công ty để quyết định mở rộng thành phần mời dự họp. Thành viên được mời có quyền tham gia ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 15/24

9. Những vấn đề cần phải quyết định ngay, không thể triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định được xử lý bằng chế độ hội ý giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (trao đổi bằng miệng hoặc bằng điện thoại) sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị trong cuộc họp gần nhất.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người được thay mặt Hội đồng quản trị để thực hiện các nội dung công việc của Hội đồng quản trị đã được quy định tại khoản 1, 2 Điều 32 của Quy chế này. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ:

- + Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- + Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ hay bất thường;
- + Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị dưới những hình thức khác;
- + Theo dõi quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- + Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông;
- + Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị sau khi thông báo cho Hội đồng quản trị thông qua.

3. Các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Quy chế này.


Điều 34. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị đã ban hành để kiến nghị với Hội đồng quản trị sửa đổi (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các thông tin cung cấp phải đầy đủ và chính xác. Thời hạn cung cấp thông tin không quá 05 ngày sau khi nhận được yêu cầu. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá 07 ngày.

Điều 35. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 16/24

2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 36. Thư ký Hội đồng quản trị

1. Thư ký Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
- b. Làm biên bản các cuộc họp
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- e. Một số nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.

2. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty; phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của Biên bản, Nghị quyết họp Hội đồng quản trị.


Điều 37. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho cổ đông.
2. Thù lao của Hội đồng quản trị được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm và báo cáo thường niên của Công ty.
3. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị làm kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành thì thù lao bao gồm lương của Tổng giám đốc điều hành và các khoản thù lao khác.

CHƯƠNG VI : QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Quy định chung

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty; tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 17/24

Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc được quy định tại khoản 3 điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 40. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho công ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

4. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VIII : QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT


Điều 41. Quy định chung

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước cổ đông về kiểm soát việc ban hành, thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị; kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 42. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.

2. Thành viên Ban kiểm soát không là những người mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 18/24

3. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

4. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của công ty.

Điều 43. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

1. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

3. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

4. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

5. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

6. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm toán nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

Điều 44. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Hoạt động của Ban kiểm soát phải đảm bảo khách quan trung thực, chấp hành đúng pháp luật, chế độ chính sách của nhà nước, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Chương trình làm việc của Ban kiểm soát phải được Hội đồng quản trị phê duyệt.


2. Hoạt động của Ban kiểm soát là theo dõi và kiểm soát các thủ tục hành chính, hệ thống sổ sách và kế toán, các quỹ trích lập, thủ tục thu chi, báo cáo tài chính Công ty; thực hiện kiểm soát trước, kiểm soát trong và kiểm soát sau. Cụ thể:

a. Kiểm soát trước: Là tích cực tham gia với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để ban hành các nghị quyết, quyết định quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

b. Kiểm soát trong: Là theo dõi giám sát Tổng Giám đốc thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và chế độ pháp luật Nhà nước. Thông qua kiểm tra giám sát, phát hiện những nội dung không phù hợp của nghị quyết, quyết định, quy chế để trao đổi với Hội đồng quản trị biết đề ra các giải pháp khắc phục.

c. Kiểm soát sau: Là kiểm soát các công việc đã phát sinh. Bao gồm:

+ Kiểm tra sổ sách kế toán tài chính định kỳ và đột xuất hàng quý, hàng năm.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 19/24

+ Kiểm tra các vụ việc theo đơn, thư tố giác (nếu có) hay các đề nghị của các cổ đông, người lao động và khách hàng Công ty.

3. Ban kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban. Trường hợp vắng mặt vì lý do chính đáng, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho một thành viên khác trong Ban kiểm soát chủ trì.

4. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Bộ phận kiểm toán nội bộ tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

5. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ các thông tin về hoạt động của Công ty.

6. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Các biên bản họp phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm soát và phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 45. Quan hệ công tác của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.


2. Công ty đảm bảo thành viên Ban Kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Khi cần thiết Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng ý, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không được quyền tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản và trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 20/24

Điều 46. Thù lao của Ban kiểm soát:

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Việc tính số thù lao mà các thành viên Ban kiểm soát được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của công ty và cho cổ đông.

CHƯƠNG VIII : QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 47. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty.

2. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc bộ phận, Trưởng, Phó Phòng ban và toàn thể nhân viên công ty căn cứ vào Quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng đơn vị, bộ phận và của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- + Hoàn thành nhiệm vụ
- + Không hoàn thành nhiệm vụ

Điều 48. Quy trình khen thưởng


1. Hàng năm, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc khen thưởng đối với các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Việc đánh giá khen thưởng cho CBNV do Ban Tổng Giám đốc công ty quyết định.

2. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng công ty và nguồn hợp pháp khác.

Điều 49. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 21/24

định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX : NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa công ty với chính thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.


5. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

Điều 51. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 22/24

công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 52. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
2. Công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.
3. Công ty quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của công ty.

CHƯƠNG X : ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 53. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị công ty tổ chức.


CHƯƠNG XI : CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 54. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 55. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 23/24

- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
- d. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
- e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;
- f. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc điều hành, cổ đông lớn và các giao dịch khác của những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
- h. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

Điều 56. Công bố thông tin về các cổ đông lớn


1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
- b. Địa chỉ liên lạc;
- c. Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
- d. Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong công ty;
- e. Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
- f. Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của công ty;
- g. Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu công ty của các cổ đông lớn.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Điều 57. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty niêm yết tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký Hội đồng quản trị hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
3. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
 - a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
 - d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

	QUY CHẾ	Ngày hiệu lực : 21/03/2009
	QUẢN TRỊ CÔNG TY	Lần ban hành : 01 Trang : 24/24

CHƯƠNG XII : CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 58. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Xử lý vi phạm

Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại các Điều 53, Điều 54 và Điều 57 Quy chế này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIII : SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 61. Sửa đổi Quy chế quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XIV : NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực:

1. Quy chế này gồm 14 Chương, 62 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại – Xuất nhập khẩu Thiên Nam nhất trí thông qua ngày 21 tháng 03 năm 2009 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là chính thức và duy nhất của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế Quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN THỊ HIỆP